

Số: /BTTTT-CDSQG  
V/v triển khai, đánh giá DTI

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngày 12/7/2023, tại Phiên họp lần thứ 6 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông đã công bố Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh và cấp quốc gia năm 2022 (Chi tiết tại địa chỉ sau: <https://dti.gov.vn/>).

Để cải thiện giá trị, xếp hạng DTI của bộ, tỉnh trong thời gian tới, đồng thời góp phần đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị Quý cơ quan triển khai đồng bộ, nâng cao **06** chỉ số chính đối với DTI cấp bộ và **08** chỉ số chính đối với DTI cấp tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

Bên cạnh đó, đối với từng chỉ số chính, Bộ Thông tin và Truyền thông xin lưu ý một số chỉ số thành phần quan trọng nhưng thời gian qua kết quả còn hạn chế để Quý cơ quan đặc biệt quan tâm, thúc đẩy triển khai trong thời gian tới (nêu tại Phụ lục kèm theo).

Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông để được hỗ trợ, hướng dẫn, cụ thể:

- Đầu mối hỗ trợ chung và hỗ trợ đánh giá về DTI cấp bộ, Chính quyền số cấp tỉnh: Đ/c Đặng Thị Thu Hương, Cục Chuyển đổi số quốc gia, điện thoại: 0908.863.669; email: [dtthuong@mic.gov.vn](mailto:dtthuong@mic.gov.vn).

- Đầu mối hỗ trợ đánh giá về Kinh tế số, Xã hội số: Đ/c Chu Thị Tuyết Mai, Vụ Kinh tế số và Xã hội số, điện thoại: 0913.080.845; email: [cttmai@mic.gov.vn](mailto:cttmai@mic.gov.vn).

- Đầu mối hỗ trợ đánh giá về An toàn thông tin mạng: Đ/c Đinh Văn Kết, Cục An toàn thông tin, điện thoại: 0917.120.489; email: [dvket@mic.gov.vn](mailto:dvket@mic.gov.vn).

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Vụ KTS&XHS; Cục ATTT;
- Cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, CBSQG (TTCNSQG, DVS).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Huy Dũng**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC CHỈ SỐ CHÍNH VÀ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CẦN TẬP TRUNG**  
**THỨC ĐẦY ĐỂ NÂNG CAO DTI CẤP BỘ, CẤP TỈNH**

(Kèm theo văn bản /BTTTT-CĐSQG ngày tháng năm 2023  
của Bộ Thông tin và Truyền thông)

**1. DTI cấp bộ**

| STT | Chỉ số chính                   | Chỉ số thành phần   |
|-----|--------------------------------|---|
|     | <b>Nhận thức số</b>            |   |
| (1) |                                | Người đứng đầu Bộ, ngành (Bộ trưởng/Thủ trưởng) chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số  |
|     | <b>Thế chế số</b>              |   |
| (2) |                                | Kế hoạch hành động hằng năm của Bộ, ngành về chuyển đổi số  |
|     | <b>Hạ tầng số</b>              |   |
| (3) |                                | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây                                 |
|     | <b>Nhân lực số</b>             |   |
| (4) |                                | Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số của Bộ, ngành  |
|     | <b>An toàn thông tin mạng</b>  |   |
| (5) |                                | Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt                        |
|     | <b>Hoạt động Chuyển đổi số</b> |   |
| (6) |                                | Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Bộ, ngành |
| (7) |                                | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình  |
| (8) |                                | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến  |
| (9) |                                | Triển khai nền tảng dữ liệu số của ngành  |

|      |  |  |
|------|--|--|
| (10) |  | Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số  |
| (11) |  | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực (KTS ngành)                               |
| (12) |  | Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của bộ, ngành |

## 2. DTI cấp tỉnh

| STT | Chỉ số chính                    | Chỉ số thành phần  |
|-----|---------------------------------|--|
|     | <b>Nhận thức số</b>             |  |
| (1) |                                 | Người đứng đầu Tỉnh, thành phố (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh, thành phố) chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số       |
|     | <b>Thế chế số</b>               |  |
| (2) |                                 | Kế hoạch hành động hằng năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số   |
|     | <b>Hạ tầng số</b>               |  |
| (3) |                                 | Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh   |
| (4) |                                 | Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang  |
| (5) |                                 | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây          |
|     | <b>Nhân lực số</b>              |  |
| (6) |                                 | Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số                                       |
|     | <b>An toàn thông tin mạng</b>   |  |
| (7) |                                 | Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt |
|     | <b>Hoạt động Chính quyền số</b> |  |

|      |  |   |
|------|--|---|
| (8)  |  | Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh, thành phố |
| (9)  |  | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình  |
| (10) |  | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến  |
| (11) |  | Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số (bao gồm Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số)   |
|      | <b><i>Hoạt động<br/>Kinh tế số</i></b> |   |
| (12) |  | Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP  |
|      | <b><i>Hoạt động<br/>Xã hội số</i></b>  |   |
| (13) |  | Số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử  |
| (14) |  | Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền                               |